

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 03-6-2025

“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Vân

Các Hội thẩm nhân:

1. Bà Lê Thị Hồng Trinh

2. Ông Nguyễn Mạnh Hùng

- Thư ký phiên tòa: Ông Lưu Quốc Trọng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Liên - Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 06 năm 2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 92/2025/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 3 năm 2025 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 129/2025/QĐXXST-HNGĐ, ngày 09 tháng 5 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 105/2025/QĐST-HNGĐ, ngày 19/05/2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1984. Vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt

Nơi đăng ký cư trú: Thôn H, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi

Chỗ ở hiện nay: Xóm B, thôn H, xã N, huyện T, tỉnh Quảng Ngãi.

- Bị đơn: Ông Phan Quốc T, sinh năm 1983, vắng mặt

Nơi cư trú: Thôn H, xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 03/02/2025, các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày: Bà và ông Phan Quốc T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, thành phố Q vào ngày 22/06/2006. Quá trình chung sống vợ chồng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã; bà

đã bỏ về nhà cha mẹ để ở. Vợ chồng đã sống ly thân phần ai người đó sống không quan tâm đến nhau nữa. Nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phan Quốc T.

Về con chung: Vợ chồng có ba con chung tên là cháu Phan Trung K, sinh ngày 22/11/2005; Phan Trung C, sinh ngày 25/5/2008 và Phan Trung N, sinh ngày 07/5/2010. Hiện nay các con đều đang ở với bà. Đối với cháu Phan Trung K đã trưởng thành đủ khả năng tự nuôi sống bản thân nên bà không yêu cầu giải quyết. Đối với cháu Phan Trung C sinh ngày 25/05/2008 và cháu Phan Trung N sinh ngày 07/05/2010. Khi ly hôn bà có nguyện vọng trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Phan Trung C, Phan Trung N và không yêu cầu ông Phan Quốc T phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có; không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Phan Quốc T đã được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng ông T không đến Tòa để làm việc, không có văn bản trình bày ý kiến và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ về việc đồng ý hay không đồng ý đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và tại phiên tòa ông T đều vắng mặt không có lý do.

* Tại phiên tòa sơ thẩm đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi phát biểu ý kiến:

I. Việc tuân theo pháp luật tố tụng.

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Tòa án tiến hành các thủ tục sơ thẩm đối với vụ án theo trình tự thời gian từ khi tiếp nhận đơn khởi kiện cho đến khi thụ lý vụ án, xác minh thu nhập tài liệu, chứng cứ, tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cấp tổng đạt các văn bản tố tụng cho đương sự, Viện kiểm sát và các thủ tục tố tụng khác do Tòa án tiến hành đảm bảo đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định Điều 48, Điều 49, Điều 51 Bộ luật Tố tụng dân sự.

3. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng, đầy đủ quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chấp hành không đúng quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

II. Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ Điều 28, 35, 39, 68, 203, khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý sử dụng án phí lệ phí Tòa án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Chấp nhận khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H được ly hôn ông Phan Quốc T.

- Về con chung: Giao cháu Phan Trung C, sinh ngày 25/5/2008 và Phan Trung N, sinh ngày 07/5/2010 cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Phan Quốc T không cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đến thăm, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

- Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa; căn cứ kết quả tố tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết ly hôn với bị đơn; Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi đã thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về việc vắng mặt đương sự: Nguyên đơn vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn ông Phan Quốc T đã triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H với ông Phan Quốc T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi vào ngày 22/06/2006. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà H, ông T là hợp pháp. Bà Nguyễn Thị H trình bày mâu thuẫn hôn nhân là do vợ chồng thường xuyên bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng không có chia sẻ, chăm sóc lẫn nhau; gia đình thường xuyên cãi vã, gây ồn ào, lục đục trong gia đình. Bà đã dẫn ba con về nhà cha mẹ để ở. Quá trình giải quyết vụ án bị đơn Phan Quốc T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để trình bày ý kiến, tham dự phiên hòa giải, công khai chứng cứ nhưng ông Phan Quốc T không có ý kiến phản hồi đối với ý kiến, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do vậy căn cứ khoản 4 Điều 91, Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; xác định các tình tiết bà Nguyễn Thị H trình bày là có thật. Từ đó xác định mâu thuẫn hôn nhân giữa bà H với ông T là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài; mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H là phù hợp quy định tại Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 4 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024 hướng dẫn áp dụng một số quy định pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân gia đình.

[2.2] Về con chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Phan Quốc T có ba con chung tên Phan Trung K, 22/11/2005; Phan Trung C, sinh ngày 25/5/2008 và

Phan Trung N, sinh ngày 07/5/2010. Cháu Phan Trung K hiện nay cháu đã trưởng thành (trên 18 tuổi) đủ khả năng tự nuôi sống bản thân; bà H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với cháu Phan Trung C, Phan Trung N hiện nay đang ở với bà. Khi ly hôn bà có nguyện vọng trực tiếp nuôi hai con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử thấy cần tiếp tục giao hai cháu Phan Trung C, Phan Trung N cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với nguyện vọng của hai cháu. Ông Phan Quốc T có quyền, nghĩa vụ đến thăm, chăm sóc con không ai được cản trở.

Bà H không yêu cầu ông T phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Bà H trình bày không có; không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định trên nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81 và Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Phan Quốc T.

2. Về con chung: Giao con chung Phan Trung C, sinh ngày 25/05/2008 và Phan Trung N, sinh ngày 07/05/2010 cho bà Nguyễn Thị H trực tiếp, trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông Phan Quốc T không cấp dưỡng nuôi con.

Ông Phan Quốc T có quyền, nghĩa vụ đến thăm, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000761, ngày 12/03/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS TP Quảng Ngãi;
- VKSND TP. Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Vân